

Bản án số: 139/2020/DS-PT

Ngày: 07 - 12 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Vĩnh Khương
2. Bà Trương Tố Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1955. (có mặt)

Địa chỉ: Đường tỉnh lộ, thị trấn X, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà B, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Khu M, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà A trình bày:

Ngày 21/11/2019 bà có cho bà B mượn số tiền 100.000.000 đồng, việc vay mượn có làm biên nhận và bà B cam kết mỗi tháng trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng, thời gian trả kể từ ngày 01/12/2019. Khi mượn tiền thì bà B đưa cho bà 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà B đứng tên số E868583 do UBND huyện M cấp ngày 31/01/1996, diện tích 28 m² tại thửa 359, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc ấp Khu M, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi vay tiền bà B chỉ có trả được cho bà

số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 01/4/2020, còn lại số tiền là 85.000.000 đồng đến nay bà B chưa trả cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B hoàn trả số tiền vốn là 85.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/4/2020 đến khi xét xử sơ thẩm và trả một lần. Khi bà B trả đủ tiền thì bà đồng ý trả lại cho bà B 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà B đứng tên số E868583 do UBND huyện M cấp ngày 31/01/1996, diện tích 28 m² tại thửa 359, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc ấp Khu M, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn bà B trình bày:

Bà thừa nhận ngày 21/11/2019 bà có vay của bà A số tiền 100.000.000 đồng, việc vay mượn có làm biên nhận, bà có ký tên và bà cam kết mỗi tháng trả cho bà A số tiền 3.000.000 đồng, thời gian trả kể từ ngày 01/12/2019 cho đến khi trả hết số nợ. Khi vay tiền thì bà đưa cho bà A 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên số E868583 do UBND huyện M cấp ngày 31/01/1996, diện tích 28 m² tại thửa 359, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc ấp Khu M, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Từ khi vay tiền thì bà có trả được cho bà A số tiền vốn 15.000.000 đồng, chưa trả lãi đóng lãi, còn lại 85.000.000 đồng tiền vốn đến nay cũng chưa trả. Nay do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin bà A cho bà trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng, còn tiền lãi thì bà yêu cầu bà A không tính vì hiện nay gia đình bà khó khăn không có tiền để trả tiền vốn nên không có tiền trả tiền lãi.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 40, khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

Buộc bị đơn bà B phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn bà A số tiền là 89.250.000 đồng trong đó số tiền vốn là 85.000.000 đồng, lãi là 4.250.000 đồng.

Khi bị đơn trả hết nợ, nguyên đơn phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà B 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà B đứng tên số E868583 do UBND huyện M cấp ngày 31/01/1996, diện tích 28 m² tại thửa 359, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc ấp Khu M, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Việc giao nhận tiền và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tiến hành đồng thời.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 11/9/2020 bị đơn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo hướng:

- Bị đơn đồng ý trả 85.000.000 đồng cho nguyên đơn Mai, với hình thức trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng như các bên đã thỏa thuận theo Biên nhận nợ ngày 21/11/2019.

- Do bị ảnh hưởng dịch Covid 19, nên bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bị đơn hoãn nợ 05 tháng (các tháng 5, 6, 7, 8 và 9 năm 2020). Đồng ý trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho bà A đến khi trả xong nợ là 85.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn B và áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn B là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn B, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện có cung cấp cho Tòa án “Biên nhận nợ ngày 21/11/2019” bà B có ký tên và bà B thừa nhận bà có ký tên vào biên nhận và hiện còn nợ bà A số tiền 85.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Ngoài ra, khi vay tiền bị đơn có giao cho nguyên đơn giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị đơn đứng tên.

[3] Việc bị đơn bà B không thực hiện việc thanh toán nợ đầy đủ cho nguyên đơn theo như thỏa thuận đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, do bị đơn đã vi phạm nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi tính từ ngày vi phạm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả vốn còn nợ là 85.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 01/4/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/9/2020 là 05 tháng với mức lãi suất 10%/năm với số tiền lãi 4.250.000 đồng là phù hợp đúng qui định pháp luật.

[5] Bị đơn kháng cáo yêu cầu được trả mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi trả xong số nợ 85.000.000 đồng và xin hoãn nợ 05 tháng (từ tháng 5 đến tháng 9 năm

2020), nhưng nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu này của bị đơn. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án, nên được xem xét cho miễn án phí phúc thẩm theo qui định điểm đ, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148, Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn B

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 25/2020/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng như sau:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 40, khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.*

Buộc bị đơn bà B phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn bà A số tiền là 89.250.000 đồng (trong đó số tiền vốn là 85.000.000 đồng, lãi là 4.250.000 đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Khi bị đơn trả hết nợ, nguyên đơn phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà B 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà B đứng tên số E868583 do UBND huyện M cấp ngày 31/01/1996, diện tích 28 m² tại thửa 359, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc ấp Khu M, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Án phí sơ thẩm: Bị đơn B được miễn không phải nộp.*

3. *Án phí phúc thẩm: Bị đơn B được miễn không phải nộp.*

4. Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS (TDS).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành